

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/HS-PT
Ngày: 11-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Thạch;

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Huy Toàn;

Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lữ Thị Lệ Huyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và 11 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa phúc thẩm công khai xét xử vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 228/2019/TLPT-HS ngày 10 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Hà Ngọc L và đồng phạm. Do có kháng cáo của các bị cáo Hà Ngọc L, Hà Ngọc Ph, Nguyễn Thị Kim H và bị hại bà Nguyễn Thị L đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 209/2019/HS-ST ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Các bị cáo kháng cáo:

1. Hà Ngọc L, sinh năm 1972, tại tỉnh Bình Dương; hộ khẩu thường trú: Khu phố 3, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nơi ở: Số 1023, Đại lộ Bình Dương, Tổ 74, Khu phố 9, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Hà Văn H và bà Từ Thị Nh; chồng tên Nguyễn Văn L; bị cáo có 02 người con sinh năm 1998 và 2004; tiền sự: không. Tiền án: ngày 13/01/2015, Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt số tiền 15.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2015/HS-ST. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 20/6/2017 đến ngày 27/7/2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Hà Ngọc Ph, sinh năm 1968, tại tỉnh Bình Dương; hộ khẩu thường trú: Khu phố 2, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo:

không; con ông Hà Văn H và bà Từ Thị N; chồng tên Nguyễn Minh T; bị cáo có 02 người con sinh năm 1992 và 1995; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 11/10/2017 đến ngày 07/02/2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1982, tại tỉnh Bình Dương; hộ khẩu thường trú: Khu phố 3, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị N; chồng tên Hà Văn Ú; bị cáo có 02 người con sinh năm 2004 và 2007; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 18/8/2015 đến ngày 19/01/2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo L., Ph, H: Ông Võ Thanh Kh và ông Trương Văn T là Luật sư của Công ty Luật TNHH L, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1950. Địa chỉ: Số 274/12, Tổ 8, Khu phố 2, phường Ph, thành phố Th, tỉnh Bình Dương.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông Nguyễn Hiệp Ph là Luật sư của Văn Phòng luật sư Nguyễn Hiệp Ph, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương.

- *Người tham gia tố tụng khác được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa:*

1. Ông Nguyễn Minh T (vắng mặt);
2. Bà Phạm Thị Bích H (vắng mặt);
3. Bà Phạm Thị Hải Y (có mặt);
4. Bà Phạm Thị Thùy D (có mặt);
5. Bà Phạm Thị Thùy L (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);
6. Ông Phạm Hoàng T (vắng mặt);
7. Ông Phạm Hữu Q (có mặt);
8. Nguyễn Từ Bạch V (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);
9. Bà Phạm Thị Kiều O (có mặt);
10. Bà Phạm Thị Tuyết Nh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt);

Trong vụ án còn có 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo và không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập tham gia phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hà Ngọc Loan cho Phạm Thị Bích H, sinh năm 1974 (là con gái của bà Nguyễn Thị L) vay số tiền 267.000.000 đồng nhưng H cố tình không trả nợ cho Loan.

Do biết bà L cần chuyển nhượng căn nhà cấp 4 và quyền sử dụng đất tọa lạc tại phường Phú Cường, thành phố Th, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 886021 (vào sổ số CH00451) do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T cấp ngày 27/01/2011 nên đến khoảng tháng 6 năm 2011, L đến nhà chị ruột của L là Hà Ngọc Ph nói cho Ph biết bà L đang kêu bán nhà và L nhờ Ph đứng ra mua căn nhà nói trên để trừ số tiền mà Hg còn nợ L.

Sau đó, Ph nói với ông Nguyễn Minh T (chồng của L) là muốn mua nhà cho con trai Nguyễn Hà Minh Q, sinh năm 1992 thì ông T không đồng ý vì không có tiền nhưng Ph nói để Ph đi mượn tiền để mua nhà và đất, khi nào mẹ của ông T bán đất cho tiền thì Ph sẽ trả lại tiền cho người đã cho mượn tiền.

Sau khi nhận lời đứng ra mua nhà giúp L, Ph tìm gặp bà Nguyễn Thị L và thỏa thuận mua căn nhà trên với giá 685.000.000 đồng, Ph sẽ đặt cọc trước 150.000.000 đồng, còn 535.000.000 đồng sẽ giao đủ khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tại Phòng Công chứng số 01. Ngày 04/7/2011, Ph mang số tiền 150.000.000 đồng đi đặt cọc cho bà L tại nhà của bà L và hẹn đến ngày 22/7/2011 sẽ đến Phòng Công chứng số 1 tại phường Phú C, thành phố T, tỉnh Bình Dương để ký hợp đồng chuyển nhượng và giao đủ số tiền còn lại như thỏa thuận.

Đến hẹn vào sáng ngày 22/7/2011, L chuẩn bị 01 (một) cọc tiền 235.000.000 đồng và 01 (một) cọc vé số được bọc bằng giấy báo, quấn băng keo bên ngoài rồi đưa cho Ph để Ph đem đến Phòng Công chứng số 1 trả tiền nhà cho bà L và dặn Ph khi giao tiền cho bà L thì giao cọc tiền 235.000.000 đồng trước. Mục đích của L và Ph là thay thế cọc tiền 300.000.000 đồng bằng cọc vé số được bọc bằng giấy báo, quấn băng keo bên ngoài để trừ số tiền 267.000.000 đồng mà H còn nợ L. Sau đó, Ph đến Phòng Công chứng số 1 gặp bà L để tiến hành làm thủ tục ký hợp đồng chuyển nhượng nhà và giao tiền; còn L gọi điện thoại cho H rủ H phụ L đi lấy tiền bán nhà của bà L để trừ nợ, H đồng ý. Thực hiện ý định trên, L chuẩn bị sẵn và bỏ vào giỏ xách của H 01 (một) cọc tiền được quấn bằng dây thun có giá trị 33.000.000 đồng (loại tiền mệnh giá 500.000 đồng/tờ) và các giấy tờ liên quan đến việc Phạm Thị Bích H mượn tiền của L. L chở H đến quán cà phê trước Phòng Công chứng số 1 và tại đây L nói cho H biết việc có người mượn tiền của Loan nhưng không chịu trả, lát nữa sẽ bán nhà cho Hà Ngọc Ph nhưng nếu L xuất hiện người này gặp L sẽ không chịu trả tiền nên L kêu H vào giật tiền đưa cho L đứng ngoài chờ sẵn. L dặn H khi nào thấy Ph cầm lên 01 (một) gói được bọc bằng giấy báo, quấn băng keo bên ngoài nói là 300.000.000 đồng thì H nhanh chóng giật lấy bỏ vào túi xách còn mọi việc sau đó để L giải quyết nên H đi vào phòng công chứng ngồi đợi để thực hiện theo sự bàn bạc của L.

Khoảng 08 giờ cùng ngày 22/7/2011, bên mua nhà và bên bán nhà cùng đi đến Phòng Công chứng số 1 để thực hiện giao dịch mua bán. Bên mua nhà gồm có Phụng, ông Nguyễn Minh T và con trai là Nguyễn Hà Minh Q. Bên bán nhà gồm có bà Nguyễn Thị L, cùng các con ruột: Phạm Thị Hải Y, Phạm Thị Thùy D, Phạm Thị Kiều O, Phạm Thị Thùy L, Phạm Thị Tuyết Nh, Phạm Hoàng T, Phạm Hữu Q và 01 người con rể là ông Từ Bạch V (chồng của Phạm Thị Hải Y). Khi tiến hành làm thủ tục chứng hợp đồng thì chỉ có ông T, Q, bà L và ông V đi đến làm thủ tục với Công chứng viên. Sau khi bà L và Q lần lượt ký xong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì ông T gặp ông Từ Bạch V yêu cầu ông V viết giấy nhận đủ số tiền 535.000.000 đồng rồi mới giao tiền. Ông V viết giấy nhận tiền có nội dung đã nhận đủ số tiền 535.000.000 đồng và giao cho ông T. Sau đó, ông T chở Q đi học, giao lại giấy nhận tiền cho Ph; Ph phát hiện giấy nhận tiền có nội dung do ông Từ Bạch V là người ký tên nhận tiền, không phải bà Nguyễn Thị L nên Ph yêu cầu viết lại tờ giấy nhận tiền mà người ký tên phải là bà Nguyễn Thị L.

Lúc này, bên mua nhà và bên bán nhà đến chiếc bàn gỗ để tại Phòng Công chứng số 1 tiến hành giao nhận tiền. Ph giao cọc tiền thứ nhất 235.000.000 đồng cho bà L và các con của bà L là Từ Bạch V, Phạm Thị Hải Y, Phạm Hữu Q nhận, kiểm tra. Khi các con bà L đang kiểm cọc tiền thứ nhất thì ông Từ Bạch V viết lại nội dung tờ giấy nhận tiền cho bà Nguyễn Thị L ký tên, lăn tay rồi đưa cho Ph, Ph tiếp tục đem ra cọc tiền thứ hai được gói bằng giấy báo, quấn băng keo bên ngoài đưa lên ngang tầm mắt và nói cho bà L biết đây là số tiền 300.000.000 đồng (nhưng bên trong là vé số). Khi thấy Ph đưa ra cọc tiền thứ hai thì H liền đến sau lưng của Ph giật lấy, bỏ vào giỏ xách. Bà L thấy H giật cọc tiền liền ôm H cùng giỏ xách và tri hô “cướp, cướp”, các con của bà L thấy vậy nên chạy đến ôm H. L đứng bên ngoài thấy H bị giữ lại liền đến giành giật giỏ xách để tẩu thoát nhưng không được, hai bên giằng co được khoảng 15 phút thì Phòng Công chứng số 1 gọi điện báo Công an phường Phg và Công an phường Ph đến Phòng Công chứng số 01 lập biên bản vụ việc, thu giữ: 01 (một) giỏ xách trên tay của H.

Lúc 14 giờ 30 phút cùng ngày 22/7/2011, Cảnh sát khu vực Công an phường Phú C tiến hành lập biên bản mở gói giấy báo kiểm tra thì phát hiện bên trong là 20 (hai mươi) xấp vé số, có sự chứng kiến của L, bà L, ông Từ Bạch V, ông Nguyễn Văn Đ - Cảnh sát khu vực Công an phường Ph và ông Lý Cầu Ch - Bảo vệ dân phố phường Ph. L khẳng định chiếc giỏ xách mà Công an phường đang tạm giữ để kiểm tra trong đó có tiền và một gói giấy báo bên trong có 20 (hai mươi) xấp vé số là của L nên Công an phường đã giao trả cho L.

Sau khi sự việc xảy ra, Ph, L và H không trả lại số tiền 300.000.000 đồng cho bà L. L và Ph đã làm xong thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng nhà ở, đất từ tên bà L sang tên Nguyễn Hà Minh Q và thay toàn bộ ổ khóa nhà của bà L, không cho bà L tiếp tục sinh sống tại căn nhà trên. Đến tháng 10 năm 2013, L kẹt tiền nên nhờ Ph bán căn nhà trên để lấy tiền trả nợ và Ph bán căn nhà trên cho bà Nguyễn Thị S với giá 630.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền bán nhà, đất, Ph đưa hết cho L sử dụng và L không trả cho Ph số tiền 150.000.000 đồng mà Ph

mượn giùm L để đặt cọc tiền mua nhà cho bà L. Khi bán nhà, Ph không bàn bạc với ông T mà tự ý treo biển bán nhà, Ph gọi điện nói Q về ký hợp đồng chuyển nhượng nhưng không nói cho Q lý do tại sao phải bán căn nhà trên.

Đối với hành vi của ông Nguyễn Minh T và anh Nguyễn Hà Minh Q: quá trình điều tra chưa đủ căn cứ xác định ông T và Q đồng phạm với Hà Ngọc Ph, Hà Ngọc L và Nguyễn Thị Kim H trong việc lừa đảo chiếm đoạt 300.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị L nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố T không khởi tố xử lý nên không xem xét, giải quyết.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 209/2019/HS-ST ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Hà Ngọc L, Hà Ngọc Ph, Nguyễn Thị Kim H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009: xử phạt bị cáo Hà Ngọc L 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 20/6/2017 đến ngày 27/7/2018.

2.2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; các Điều 33 và 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009: xử phạt bị cáo Hà Ngọc Ph 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 11/10/2017 đến ngày 07/02/2018.

2.3. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; các Điều 33 và 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009: xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim H 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 18/8/2015 đến ngày 19/01/2018.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017; Điều 587, 589 của Bộ luật dân sự 2015: buộc Hà Ngọc L, Hà Ngọc Ph, Nguyễn Thị Kim H liên đới bồi thường cho bà Nguyễn Thị L số tiền 522.750.000 (năm trăm hai mươi hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng (bao gồm 300.000.000 đồng tiền các bị cáo chiếm đoạt và 222.750.000 đồng tiền lãi phát sinh).

Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 02 tháng 11 năm 2019, bị cáo Hà Ngọc L làm đơn kháng cáo kêu oan.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019, bị cáo Hà Ngọc Ph, Nguyễn Thị Kim H làm đơn kháng cáo kêu oan.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, bị hại Nguyễn Thị L làm đơn kháng cáo yêu cầu hủy phần trách nhiệm dân sự của bản án sơ thẩm với lý do Tòa án cấp sơ thẩm buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho bị hại số tiền 522.750.000 đồng là không đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án: xác định tội danh, điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và áp dụng đối với các bị cáo Hà Ngọc L, Hà Ngọc Ph, Nguyễn Thị Kim H là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Hà Ngọc L, Hà Ngọc Ph và Nguyễn Thị Kim H kháng cáo kêu oan và đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra lại; bị hại Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo đề nghị hủy phần dân sự của bản án sơ thẩm và yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng nhà giữa bà L và bà Ph; bà Ph phải có trách nhiệm giao trả lại nhà cho bà L và bồi thường thiệt hại do giao dịch dân sự vô hiệu. Xét thấy: mặc dù tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo chối tội, không khai nhận hành vi phạm tội; bị cáo H quá trình điều tra khai nhận hết hành vi nhưng tại phiên tòa phúc thẩm lại cho rằng do Điều tra viên yêu cầu bị cáo khai như vậy để cho về với con; bị cáo H bác bỏ lời khai là không có căn cứ khách quan. Do đó, căn cứ xâu chuỗi lô gíc, khách quan các lời khai nhận tội của các bị cáo H, Ph; lời khai của bị hại, người làm chứng, kết luận giám định đoạn phim ghi hình có âm thanh tại Công an phường Ph và lời khai của các cán bộ thụ lý vụ việc của Công an phường Ph đủ căn cứ buộc tội các bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tài sản xâm hại là số tiền 300.000.000 đồng. Về nhận thức, các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ vụ lợi, thực hiện việc đòi nợ trái pháp luật mà các bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Trong vụ án này, L là người đóng vai trò chính, là người nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản, bàn bạc nhờ Phượng mua nhà, chuẩn bị cọc vé số nhằm cho bị hại nhằm tưởng là tiền để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản là số tiền 300.000.000 đồng là số tiền hợp pháp trong giao dịch mua bán nhà giữa bị hại L và con trai bị cáo Ph (Nguyễn Hà Minh Q); Ph là người giúp sức tích cực, đứng ra thỏa thuận mua nhà, thực hiện việc giao dịch với bà L theo sự chỉ đạo của L; H là người thực hiện việc lấy cọc vé số để L cản trừ nợ. Bản án hình sự sơ thẩm số 209/2019/HSST ngày 01/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 xử phạt các bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Do đó, kháng cáo kêu oan và đề nghị hủy bản án sơ thẩm của các bị cáo là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị L, xét thấy trong vụ án này căn cứ xác định bà L là bị hại bị chiếm đoạt số tiền 300.000.000 đồng bởi hành vi phạm tội của các bị cáo L, Ph, H nên Tòa án cấp sơ thẩm nhận định bị hại bị chiếm đoạt trái pháp luật số tiền 300.000.000 đồng từ ngày 22/7/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm, do đó buộc các bị cáo phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bị hại số tiền nêu trên và bồi thường một khoản thiệt hại là tiền lãi phát sinh từ 22/7/2011 đến 24/10/2019 với lãi suất 9%/năm tương đương số tiền 222.750.000 đồng (99

tháng x 2.250.000đ/tháng (lãi suất 0,75%/tháng) với tổng số tiền các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại 522.750.000 đồng là có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật nên kháng cáo của bị hại không có căn cứ xem xét chấp nhận. Từ những nhận định trên đề nghị: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hà Ngọc L, Hà Ngọc Ph, Nguyễn Thị Kim H và bị hại Nguyễn Thị L, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 209/2019/HS-ST ngày 01/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người bào chữa cho các bị cáo (ông Võ Thanh Kh) trình bày nội dung bào chữa: không đồng ý với quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về tội danh áp dụng đối với các bị cáo. Việc chứng minh tội phạm là của cơ quan tiến hành tố tụng, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương chưa chứng minh được mục đích thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo là gì và chưa làm rõ thiệt hại do hành vi tội phạm gây ra. Mục đích của tội phạm xuất phát từ việc vay mượn tiền giữa bà H (con của bị hại) với bị cáo L và bà H cũng thừa nhận có nợ tiền của bị cáo L; như vậy mục đích của việc mua bán nhà là có thật và bị cáo Ph mua nhà của bị hại thông qua ông T giới thiệu. Ý thức của bị cáo Ph khi thực hiện tội phạm: bị cáo muốn mua nhà nên mới chuẩn bị số tiền 235.000.000 đồng để đưa cho bị hại, còn 300.000.000 đồng và 33.000.000 đồng chưa chứng minh được ai chuẩn bị. Về ý thức của bị cáo L, trong hồ sơ có giấy thừa nhận nợ của bà H có nợ tiền của bị cáo L và do bà H không trả được nợ nên bị cáo L mới tìm đến bà L để đòi nợ, bà L hứa khi nào bán được nhà sẽ trả nợ cho bị cáo L, bằng chứng là bà L có viết giấy nhận trả nợ thay cho bà H, theo kết luận giám định thể hiện dấu vân tay trong giấy nhận trả nợ thay đúng là dấu vân tay của bà L. Khi bà L bán được nhà và hẹn bị cáo L đến Phòng Công chứng số 1 để lấy tiền nợ nên bị cáo L mới có mặt tại đến Phòng Công chứng số 1, bằng chứng là bị cáo L có đem theo giấy nợ của bà H và giấy nhận trả nợ thay của bà L. Như vậy ý thức của bị cáo L không phải là chiếm đoạt tiền của bà L mà là đi lấy tiền nợ. Ý thức của bị cáo H càng không phải chiếm đoạt tiền của bà L vì bị cáo H hoàn toàn không biết bà L. Khi phát hiện tiền bị cáo Ph đưa chỉ là vé số thì bà L đã làm đơn đến ủy ban yêu cầu ngăn chặn việc sang tên nhà đất của bị cáo Ph, như vậy giao dịch mua bán nhà không thành công và không có hành vi lừa đảo xảy ra. Khi bị cáo Phụng không giao đủ tiền mua nhà, bà L cũng không làm đơn khởi kiện vụ án dân sự ra Tòa án để kịp thời ngăn chặn việc sang tên nhà, đất của bị cáo Ph. Trong hồ sơ có nhiều lời khai khác nhau nhưng không biết lời khai nào là thật, là đúng và cộc thứ hai bị cáo Ph đang giữ, chưa giao cho bà L thì không có việc bị cáo Phụng lừa bà L. Trong giấy giao nhận tiền có nói rõ nhận tiền để giao nhà nên khi nhận nhà không cần phải lập văn bản riêng nên bị cáo Ph lấy nhà là phù hợp. Từ những phân tích trên có cơ sở xác định giao dịch giữa bị cáo Ph và bà L là giao dịch dân sự nên không xử lý trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên các bị cáo không phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trình bày nội dung bảo vệ: bị hại yêu cầu bị cáo Phg trả lại nhà và bồi thường thiệt hại như đã trình bày

tại phiên tòa sơ thẩm nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại buộc các bị cáo liên đới bồi thường là không đúng, đồng thời Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 587, 589 của Bộ luật Dân sự để buộc các bị cáo liên đới bồi thường là không có căn cứ vì Tòa sơ thẩm không buộc bồi thường theo mức độ lỗi của từng bị cáo, nếu không xác định được lỗi thì trách nhiệm bồi thường phải bằng nhau, nếu không tuyên như vậy thì sẽ gây khó khăn cho cơ quan thi hành án, và các bị cáo cũng khó thi hành vì không biết mình phải đóng bao nhiêu tiền, ảnh hưởng đến việc xóa án tích sau này. Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi suất 9%/năm là lãi suất cơ bản áp dụng đối với việc chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, còn trong vụ án này thiệt hại là do tội phạm gây ra nên không thể tính theo lãi suất cơ bản. Điều 48 của Bộ luật Hình sự quy định: phải trả lại tài sản chiếm đoạt và bồi thường tiền thuê nhà, tiền tổn thất tinh thần; như vậy Tòa án cấp sơ thẩm buộc các bị cáo bồi thường số tiền 522.750.000 đồng (bao gồm 300.000.000 đồng tiền các bị cáo chiếm đoạt và 222.750.000 đồng tiền lãi phát sinh) là không đúng. Mục đích của các bị cáo không phải là chiếm đoạt 300.000.000 đồng mà là chiếm đoạt nhà của bị hại, thể hiện ở việc sau khi từ đến Phòng Công chứng số 1 về, bị cáo Ph đã đến thay ổ khóa nhà của bị hại, không cho gia đình bị hại vào nhà ở. Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ các con của bị hại có đồng ý thực hiện giao dịch mua bán nhà hay không.

Bị cáo Ph và bị cáo L tranh luận: đồng ý với nội dung bào chữa của người bào chữa cho các bị cáo.

Bị cáo H tranh luận: bị cáo không có giật tiền của bị hại.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đối đáp lại quan điểm của người bào chữa cho các bị cáo và quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: đại diện Viện Kiểm sát xác định đây là vụ án hình sự, không phải là vụ án dân sự. Căn cứ vào lời khai của các bị cáo, người làm chứng, cảnh sát khu vực, kết luận giám định, đoạn ghi âm, ghi hình có đủ cơ sở xác định các bị cáo thực hiện hành vi gian dối trước khi thực hiện giao dịch ký hợp đồng chuyển nhượng nhà, đất; cụ thể: các bị cáo đã sắp xếp, dàn dựng ra cảnh giao số tiền 300.000.000 đồng bằng cọc vé số; như vậy các bị cáo có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Về thiệt hại trong vụ án này là 300.000.000 đồng, không phải là nhà nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định bồi thường thiệt hại từ lúc xảy ra vụ án đến khi xét xử sơ thẩm là có căn cứ.

Người bào chữa cho các bị cáo (ông Võ Thanh Kh) đối đáp lại quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát: các bị cáo không có hành vi chiếm đoạt vì bị hại có quyền yêu cầu bên mua nhà giao đủ tiền và thực tế bị cáo Ph chưa giao số tiền 300.000.000 đồng cho bị hại nên không có hành vi chiếm đoạt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại đối đáp lại quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát: án hình sự giải quyết luôn phần dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết yêu cầu của bị hại cho thấu tình đạt lý, yêu cầu của bị hại là phù hợp với quy định tại Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Hà Ngọc L nói lời sau cùng: bị cáo không phạm tội, đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Bị cáo Hà Ngọc Ph nói lời sau cùng: bị cáo mua nhà và đã trả đủ tiền, bị cáo không có lừa bị hại.

Bị cáo Nguyễn Thị Kim H nói lời sau cùng: bị cáo không có giật tài sản của bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Hà Ngọc L, Hà Ngọc Ph, Nguyễn Thị Kim H và bị hại Nguyễn Thị L được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Các bị cáo Hà Ngọc L, Hà Ngọc Ph, Nguyễn Thị Kim H đã dùng thủ đoạn gian dối bằng cách chuẩn bị từ trước 02 cọc; trong đó: một cọc bên trong có số tiền 235.000.000 đồng và một cọc bên trong là vé số nhưng bị cáo Ph lại nói với bị hại L đây là số tiền 300.000.000 đồng nhằm làm cho bị hại Lan nhầm tưởng là tiền để các bị cáo L và H thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của bị hại L nhằm mục đích cản trở số tiền 267.000.000 đồng mà con bà L (là) nợ bị cáo L. Hành vi nêu trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật Hình sự 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo Hà Ngọc L, Hà Ngọc Ph và Nguyễn Thị Kim H cho rằng các bị cáo không phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Hội đồng xét xử xét thấy, tại các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, bản tự khai của bị cáo Nguyễn Thị Kim H (bút lục 50 – 51, 429 – 435, 438 – 441, 556 – 561); của bị cáo Hà Ngọc Ph (bút lục 108 – 111, 114 – 117, 675 – 680, 682 – 683, 686 – 691); biên bản kiểm tra đồ vật ngày 22/7/2011 (bút lục 194 – 196); bản tường trình của bà Nguyễn Ngọc Th, ông Trần Nguyễn Kiên Đ, ông Bùi Văn B, ông Lý Cầu Ch (bút lục 207 – 223); biên bản đối chất (bút lục 739 – 744); Kết luận giám định số 5472/C54-P6 ngày 02/11/2017 (bút lục 706 – 708); Biên bản trích xuất hình ảnh số 55/BB – PC54 ngày 05/8/2017 (bút lục 547 – 551); lời khai bị hại Nguyễn Thị L cùng những người làm chứng; Biên bản phiên tòa từ ngày 27/4/2018 đến 10/5/2018 (bút lục 835 – 858); có cơ sở xác định: Giữa bị cáo Hà Ngọc L và Nguyễn Thị Bích H có quan hệ vay mượn tiền với nhau, tổng số tiền H nợ bị cáo L là 267.000.000 đồng. Do Hằng không có khả năng trả nợ và biết bà Nguyễn Thị L (là mẹ của H) có ý định bán nhà nên bị cáo Hà Ngọc L bàn với bị cáo Hà Ngọc Ph mua nhà của bà L để cản trở nợ. Thực hiện ý định trên, ngày 04/7/2011, bị cáo Hà Ngọc Ph mang 150.000.000 đồng đến nhà bà L đặt cọc, hẹn ngày 22/7/2011 sẽ công chứng chuyển nhượng nhà, đất tại Phòng Công chứng số 01. Sáng ngày 22/7/2011, bị cáo L chuẩn bị 01 (một) cọc tiền 235.000.000 đồng và 01 (một) cọc vé số được bọc bằng giấy báo, quấn băng keo bên ngoài rồi đưa cho bị cáo Ph để bị cáo L rủ bị cáo Nguyễn Thị Kim H đến Phòng Công chứng số 01 để lấy nợ; khi đi, bị cáo L

mang theo 01 túi xách bên trong có 01 ví da màu đỏ, 01 sổ giấy tờ đòi nợ và số tiền 33.000.000 đồng; bị cáo Ldận Huệ khi nào thấy bị cáo Ph cầm lên một cọc gói giấy báo, quần băng keo và nói “đây là 300.000.000 đồng” thì giật lấy bỏ vào túi xách, mọi chuyện còn lại để bị cáo L sẽ giải quyết. Tại Phòng Công chứng số 1, sau khi giao kết hợp đồng chuyển nhượng, viết giấy nhận đủ tiền, bị cáo Ph mang ra cọc tiền thứ nhất nói là 235.000.000 đồng và giao cho bà L cùng các con bà L kiểm đếm. Khi các con của bà L đang kiểm tra cọc tiền thứ nhất, Ph giơ cọc thứ 02 (được gói giấy báo, quần băng keo) và nói “đây là 300.000.000 đồng” thì H chồm từ phía sau giật lấy cọc giấy báo bỏ vào túi xách, ngay khi đó bà L cùng các con giữ H lại cùng giở xách. Tại Công an phường Ph, qua kiểm tra xác định gói giấy báo quần băng keo là 20 cọc vé số.

Như vậy, có cơ sở xác định các bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối bằng cách chuẩn bị từ trước 02 cọc; trong đó: một cọc bên trong có số tiền 235.000.000 đồng và một cọc bên trong là vé số nhưng bị cáo Ph lại nói với bị hại L đây là số tiền 300.000.000 đồng nhằm làm cho bị hại L nhầm tưởng là tiền để các bị cáo L và H thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của bị hại L nhằm mục đích cản trở số tiền 267.000.000 đồng mà con bà L (là H) nợ bị cáo L. Hành vi của các bị cáo Hà Ngọc L, Hà Ngọc Ph, Nguyễn Thị Kim H thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 của Bộ luật Hình sự 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội danh và điều luật như nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật nên kháng cáo của các bị cáo là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của bị hại yêu cầu hủy phần trách nhiệm dân sự với lý do Tòa án cấp sơ thẩm buộc các bị cáo Hà Ngọc L, Hà Ngọc Ph, Nguyễn Thị Kim H liên đới bồi thường cho bị hại số tiền 522.750.000 đồng là không đúng quy định của pháp luật và buộc bị cáo Ph phải trả lại nhà, bồi thường tiền thuê nhà, tiền tổn thất tinh thần. Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo đều có hành vi chiếm đoạt trái pháp luật số tiền 300.000.000 đồng của bị hại nhằm mục đích để cản trở nợ nên các bị cáo phải liên đới bồi thường số tiền này cho bị hại theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật Hình sự và các Điều 587, 589 của Bộ luật Dân sự. Đối với yêu cầu trả lại nhà và bồi thường tiền thuê nhà; xét thấy giữa bị cáo Phụng và bị hại L đã thực hiện giao dịch chuyển nhượng nhà, bị cáo Ph đã nhận nhà nhưng chưa thanh toán hết tiền mua nhà cho bị hại theo như hợp đồng chuyển nhượng đã ký kết, lỗi do bị cáo Ph nên yêu cầu của bị hại L sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khi bị hại có đơn khởi kiện. Do đó, kháng cáo của bị hại là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và bị hại là phù hợp.

[6] Người bào chữa cho các bị cáo đề nghị tuyên các bị cáo không phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với lý do giao dịch giữa bị cáo Ph với bị hại L là giao dịch dân sự; xét thấy, các bị cáo đã có sự bàn bạc, chuẩn bị từ trước 02 cọc, trong đó có 01 cọc là vé số nhưng bị cáo Phụng lại nói với bị hại Lan đây là số tiền 300.000.000 đồng nhằm làm cho bị hại L nhầm tưởng là tiền để các bị

cáo L và H thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của bị hại nên đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do đó yêu cầu của người bào chữa cho các bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

[7] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại đề nghị buộc bị cáo Phụng trả lại nhà và bồi thường thiệt hại do giao dịch mua bán nhà gây ra là không có căn cứ vì đây là giao dịch dân sự giữa bị cáo Ph với bị hại L nên sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khi có yêu cầu. Đối với đề nghị buộc các bị cáo bồi thường số tiền 522.750.000 đồng theo phần; xét thấy các bị cáo không nhận tội và không xác định được mỗi bị cáo hưởng lợi từ hành vi phạm tội là bao nhiêu nên không có cơ sở để buộc các bị cáo bồi thường theo phần.

[8] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Án phí hình sự phúc thẩm: do yêu cầu kháng cáo của các bị cáo và bị hại không được chấp nhận nên các bị cáo và bị hại phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hà Ngọc L, Hà Ngọc Ph, Nguyễn Thị Kim H và bị hại Nguyễn Thị L. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 209/2019/HS-ST ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

1.1. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; điểm g khoản 1 Điều 48; các Điều 33 và 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009: xử phạt bị cáo Hà Ngọc L 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 20/6/2017 đến ngày 27/7/2018.

1.2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; các Điều 33 và 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009: xử phạt bị cáo Hà Ngọc Ph 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 11/10/2017 đến ngày 07/02/2018.

1.3. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139; các Điều 33 và 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009: xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim H 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 18/8/2015 đến ngày 19/01/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017; các Điều 587 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc các bị cáo Hà Ngọc L, Hà Ngọc Ph và Nguyễn Thị Kim H liên đới bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị L số tiền 522.750.000 (năm trăm hai mươi hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng (bao gồm 300.000.000 đồng tiền các bị cáo chiếm đoạt và 222.750.000 đồng tiền lãi phát sinh).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Án phí hình sự phúc thẩm:

Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Hà Ngọc L phải nộp số tiền 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

Bị cáo Hà Ngọc Ph phải nộp số tiền 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

Bị cáo Nguyễn Thị Kim H phải nộp số tiền 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

Bị hại Nguyễn Thị L là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THẨM PHÁN THÀNH VIÊN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA

Hoàng Huy Toàn

Nguyễn Huỳnh Đức

Bùi Ngọc Thạch

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương; 1
- TAND thành phố Thủ Dầu Một; 2
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một; 1
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một; 1
- Phòng PV06 Công an tỉnh BD; 1
- Công an thành phố Thủ Dầu Một; 4
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; 1
- Trại Tạm giam Công an tỉnh BD; 1
- Các bị cáo; 3
- Tổ Hành chính Tư pháp; 2
- Lưu: HSVA, Tòa HS. 2

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Ngọc Thạch

